**Mẫu số 07/PLI**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:… | *…, ngày…. tháng…. năm ….* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI***(Tính từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm)*

Kính gửi: …………… (1) ……………….

Thông tin về doanh nghiệp/tổ chức: tên doanh nghiệp/tổ chức, loại hình doanh nghiệp/tổ chức *(doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/doanh nghiệp trong nước/cơ quan, tổ chức/nhà thầu)* địa chỉ, điện thoại, fax, email, website, giấy phép kinh doanh/hoạt động, lĩnh vực kinh doanh/hoạt động, người đại diện của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết *(số điện thoại, email)*.

Thông tin về nhà thầu *(nếu có)* gồm: tên nhà thầu, địa chỉ đăng ký tại nước hoặc vùng lãnh thổ nơi nhà thầu mang quốc tịch, số điện thoại, fax, email, website, giấy phép thầu, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc văn phòng điều hành tại Việt Nam, giấy phép thầu, thời gian thực hiện gói thầu.

Báo cáo tình hình tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài của *(doanh nghiệp/tổ chức)* như sau:

1. Số liệu về người lao động nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức *(có bảng số liệu kèm theo)*.

2. Đánh giá, kiến nghị *(nếu có)*.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT. | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố…(Trường hợp doanh nghiệp/tổ chức thuộc đối tượng thực hiện việc cấp giấy phép lao động tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) thì gửi báo cáo về Bộ, đồng thời gửi báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố, nơi có người lao động nước ngoài làm việc).

**BẢNG TỔNG HỢP NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI**

*Kèm theo Báo cáo số... ngày... tháng ... năm... của (tên doanh nghiệp/tổ chức)*

*Đơn vị tính: người*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số** **TT** | **Tổng số lao động nước ngoài tại thời điểm báo** **cáo** | **Trong** **đó nữ** | **Quốc tịch** | **Trong đó: LĐNN làm việc dưới 1 năm** | | **Vị trí công việc** | | | | **Giấy phép lao động** | | | | **Chưa được cấp/cấp lại/gia hạn /xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ** | **Thu hồi GPLĐ** | **Làm việc cho** **....** |
| **Số lượng** | **Lương bình quân (triệu đồng/ tháng)** | **Nhà quản lý** | **Giám đốc điều hành** | **Chuyên gia** | **Lao động kỹ thuật** | **Cấp** **GPLĐ** | **Cấp lại** **GPLĐ** | **Gia hạn GPLĐ** | **Không thuộc diện cấp GPLĐ** |  |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| **I** |  |  | **Châu Âu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | ....... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  |  | **Châu Á** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | ....... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** |  |  | **Châu Phi** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | ........ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** |  |  | **Châu Mỹ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | ........ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** |  |  | **Châu Đại** **Dương** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(\*)(2) = (7) + (8) + (9) + (10) = (11) + (12) + (13) + (14).

(\*\*) Cột (17) Thống kê người lao động nước ngoài làm việc cho doanh nghiệp, tổ chức chia theo: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp trong nước; cơ quan/tổ chức; nhà thầu.

(\*\*\*) Cột (6) hàng tổng = **∑**((5)\*(6))/**∑**(5).